

Bản án số: 205/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 9 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp Cái Ngay, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Ấp Cái Ngay, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 7, phường 5, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019 trong quá trình giải quyết và xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đ tổ chức đám cưới vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Muôn thuần vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Do ông Đ không tôn trọng cuộc sống hôn nhân, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi để chung sống với người phụ nữ khác, nên tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai dẫn đến

vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay, bà thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ .

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đinh Thị Mỹ L , sinh ngày 24/8/1998 và Đinh Hoàng P , sinh ngày 08/7/2004. Hiện Mỹ L đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Hoàng P hiện này do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi Hoàng P , việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung:

+ 01 phần đất diện tích 51,6m², tọa lạc ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2018 do bà Bình và ông Đức đứng tên quyền sử dụng. Phần đất này do bà Bình và ông Đức cùng quản lý, giá trị hiện nay khoảng 100.000.000 đồng. Một căn nhà cấp 4 cất trên phần đất này, giá trị căn nhà hiện nay khoảng 50.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được hưởng toàn bộ phần nhà và đất này.

+ 01 phần đất diện tích 54m², tọa lạc khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Phần đất này sang của ông Thái Sơn Minh, có hợp đồng chuyển nhượng kèm theo biên nhận nhận tiền nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng và vẫn do ông Minh đứng tên quyền sử dụng. Phần đất hiện nay do bà Bình và ông Đức cùng quản lý, giá trị phần đất hiện nay khoảng 130.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được hưởng toàn bộ phần đất này.

+ 01 phần đất diện tích 100m², tọa lạc khóm 7, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này sang của bà Đinh Thị Tạo có giấy bán đất nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng và vẫn do bà Tạo đứng tên quyền sử dụng. Phần đất hiện nay do bà Bình và ông Đức cùng quản lý, giá trị phần đất hiện nay khoảng 100.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu chia đôi phần đất cho bà và ông Đức mỗi người được hưởng 1/2.

+ 01 phần đất diện tích 293,9m², được phân thành 02 nền, tọa lạc ấp Long Hòa, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 do bà Bình và ông Đức đứng tên quyền sử dụng. Giá trị hiện nay khoảng 250.000.000 đồng, phần đất này do bà Bình và ông Đức cùng quản lý. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông Đức hưởng toàn bộ phần đất này.

Tại phiên hòa giải ngày 06/9/2019 bà B không yêu cầu chia tài sản chung. Việc chia tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà B trình bày, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nay bà B xác định không còn tình cảm và

không thể tiếp tục chung sống cùng ông nữa và yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B .

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đinh Thị Mỹ L , sinh ngày 24/8/1998 và Đinh Hoàng P , sinh ngày 08/7/2004, hiện cháu L đã trưởng thành, cháu P hiện đang sống với bà Bình. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Phúc cho bà B nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về chia tài sản chung: Đúng như bà B trình bày.

Về nợ chung: Bà B và ông Đ xác định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân.* Bà Bình và ông Đ tổ chức đám cưới vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà B cho rằng, quá trình chung sống không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai dẫn đến vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay, bà thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ . Ông Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B . Do bà B và ông Đ không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Bình và ông Đ là vợ chồng.

[2] *Về nuôi con chung:* Tên Đinh Thị Mỹ L , sinh ngày 24/8/1998 và Đinh Hoàng P , sinh ngày 08/7/2004, hiện cháu L đã trưởng thành, cháu P hiện đang sống với bà B . Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi cháu P , ông Đ đồng ý giao cháu P cho bà B nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng ông bà đã thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, cũng như theo biên bản ghi ý kiến ngày 06 tháng 9 năm 2019 của đôi với cháu Đinh Hoàng P thể hiện, cháu P có nguyện vọng ở với bà B . Do đó, cần giao cháu P cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đinh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà B không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ*: Bà B và ông Đ xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị B và ông Đinh Văn Đ .

2. Về nuôi con chung: Giao Đinh Hoàng P , sinh ngày 08/7/2004 cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Đinh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Bà B và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.1. Bà Bình không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà B 4.125.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009753 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4.2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009754 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bình và ông Đức có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam